TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**01**/2017/HNGĐ -ST.
Ngày:09 tháng 3 năm 2017
V/v tranh chấp: *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN - TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Dương Thị Phương Quế;

2. Ông Triệu Xuân Nguyên.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Út Lệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Vương Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2017tại Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số:29/2016/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp*: "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tô Thị T, sinh năm 1989 - ĐKHKTT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

Bị đơn: Anh Bế Văn T, sinh năm 1982 - ĐKHKTT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bế Văn T kết hôn trên cở sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2007 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa hợp. Đến năm 2012 giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Mỗi khi có bất đồng anh T thường xuyên chửi bới, có những lời lẽ xúc phạm đến chị và bố mẹ chị.Vợ chồng chị đã ly thân được một thời gian dài.Từ khi ly thân vợ chồng chị không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Chị đã từng gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn một lần

nhưng do còn thương con nên chị đã rút đơn, để quay lại hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, từ khi quay lại chị thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm.Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Bế Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là: Bế Ích T, sinh ngày 02/02/2007, cháu phát triển khỏe mạnh, bình thường. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bế Ích T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, giải quyết nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Bế Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm kết hôn anh xác nhận đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2012 chị T đi làm công nhân xa nhà nên chị đã thay đổi, ít quan tâm đến chồng con, anh cũng không biết nguyên nhân.Anh vẫn muốn cùng vợ nuôi dưỡng, chăm sóc con nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận như chị T trình bày. Tuy nhiên khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bế Ích T. Anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Về tài sản chung, giải quyết nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2017, giữa chị Tô Thị T và anh Bế Văn T đã thỏa thuận được với nhau về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị T và anh Bế Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh T thống nhất giao con chung là cháu Bế Ích T sinh ngày 02/02/2007 cho anh Bế Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung và tài sản chung: Chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giữa chị T và anh T không thỏa thuận được với nhau về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bế Văn T yêu cầu chị Thoa cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), chị T chỉ nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục chung của pháp luật tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng ngày hôm nay, bị đơn anh Bế Văn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn không có mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị T và anh Bế Văn T là hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 08/01/2007 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa hợp. Nhưng sau đó giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, hai bên đã ly thân trong một thời gian dài do vậy tình cảm giữa họ vẫn không thể hàn gắn được, đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên xác định tình cảm không còn,tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T và anh T nhất trí ly hôn.Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu này của hai bên đương sự, tuyên bố cho chị Tô Thị T được ly hôn với anh Bế Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Tô Thị T và anh Bế Văn T có 01 con chung là cháu Bế Ích T sinh ngày 02/02/2007. Tại buổi hòa giải hai bên đương sự đều thống nhất giao con chung cho anh Bế Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tuyên giao con chung của hai ngườicho phía bị đơn anh Bế Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của hai người là cháu Bế Ích T, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Tại buổi hòa giải chị T và anh T không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bế Văn T yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), trong khi chị T chỉ nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Qua xác minh tại địa phương về điều kiện kinh tế của cả hai bên đương sự, ông Nông Văn H -Trưởng thôn A, xã B cung cấp: Anh T làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, vợ chồng đã có nhà riêng, có ruộng vườn. Còn chị T hiện đi làm công nhân. Do vậy nếu như căn cứ vào mức thu nhập và khả năng thực tế của chị Tô Thị T(làm công nhân) thì mức cấp dưỡng một lần mà anh T yêu cầu là 500.000.000 đ (Năm trăm triệu đồng) vượt quá khả năng có thể chi trả của chị T. Tại phiên tòa chị T vẫn đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị T, buộc chị Tô Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Tô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến nhất trí về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong vụ án. Về phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tuyên bố cho hai bên đương sự được ly hôn và giao con chung cho phía bị đơn anh Bế Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của hai người. Chấp nhận mức cấp dưỡng của chị Tô Thị T đối với con chung là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Nguyên đơn chị Tô Thị T được ly hôn với bị đơn anh Bế Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung của hai người là cháu Bế Ích T sinh ngày 02/02/2007 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho bị đơn anh Bế Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chị Bế Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng bị chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về chia tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nghĩa vụ trả nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23 Luật phí, lệ phí năm 2015;Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Tô Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng theo định kỳ. Tổng cộng nguyên đơn chị Tô Thị T phải chịu 400.000đ (bốn trăm nghìn) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nguyên đơn Tô Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07958,

ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Chị Tô Thị T phải nộp tiếp số tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Ngân Sơn (01b);
- Các đương sự (02b);
- THADS Ngân Sơn(khi án có hiệu lực);
- UBND xã Vân Tùng (khi án có hiệu lực)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Xuân Nguyên **Dương Thị Phương Quế** **Nguyễn Thái Công**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Ngân Sơn (01b);
- Các đương sự (02b);
- THADS Ngân Sơn(khi án có hiệu lực);
- UBND xã Vân Tùng (khi án có hiệu lực)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công

.